TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-PT
Ngày: 07-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang.
Các Thẩm phán: ông Ngô Chịu và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Ý Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/DSPT ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu P, sinh năm: 1969; Địa chỉ: 104 N, Phường X, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 20 N, Phường Y, thành phố T, Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị Thu S, sinh năm: 1968; Địa chỉ: 45B/19 Lê Lợi, Phường 5, thành phố Tuy Hoà, Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Tâm Đ, sinh năm: 1995; Địa chỉ: 104 N, Phường X, thành phố T, Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị Thu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Thu P trình bày: Tôi Dương Thị Thu P có quen biết

với bà Nguyễn Thị Kim D qua quá trình mua bán thuốc tân dược lâu năm, nên có tình cảm tin tưởng nhau, xem như chị em trong nhà. Năm 2016, bà D có nói chuyện với tôi rằng: Dung có đường dây đưa đi du học bằng con đường từ thiện. Qua trao đổi, bà D nói có 02 trường hợp: học Cao đẳng thì gói 30.000 USD, bao ăn ở 02 năm; học Đại học thì gói 60.000 USD, bao ăn ở 02 năm. Sau đó, tôi bàn với gia đình chọn gói vào Đại học là 60.000 USD. Hai bên cam kết bằng miệng là con tôi được qua Mỹ học tập thì gia đình tôi chịu gói 60.000USD, thanh toán cho bà D đầy đủ. Trong trường hợp nào đó, con tôi không được qua Mỹ học tập thì bà D phải hoàn trả lại đầy đủ cho tôi số tiền mà tôi đã tạm ứng chuyển trước cho bà. Thống nhất với nội dung trên, vì sự tin tưởng để bà D tiến hành làm hồ sơ cho con tôi nên chúng tôi có hợp đồng miệng, theo đó tôi đưa trước cho bà D 30.000 USD để đi lo công việc. Sau đó, đến năm 2017, bà D có nói với tôi chuyển thêm 4.700 USD là tiền để chọn trường cho cháu để cháu có I20 về là đi phỏng vấn nên tôi tin tưởng chuyển cho bà D 47.000.0000 đồng, do lúc đó tôi không có đủ tiền nên tôi chỉ chuyển trước 47 triệu, còn lại sau đó tôi mới chuyển khoản hoặc D đến nhận tiền mặt. Đến ngày 27/6/2017, con tôi đi phỏng vấn lần 01 rớt, không đạt. Sau khi phỏng vấn không đạt, tôi có nói với bà D và bà D nói sẽ chuyển hướng cho con tôi qua học Anh văn trước và lúc này D yêu cầu tôi đưa thêm 10.000 USD nữa để lo cho con tôi nên tôi đã chuyển tiếp cho D số tiền này là 227.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền xong đến ngày 24/7/2017, con tôi đi phỏng vấn lần 02 rớt, không đạt. Sau 02 lần phỏng vấn không đạt, thì bà D có đưa bà Trần Thị Thu S đến giới thiệu cho tôi là bên làm ăn chung. Lúc này, bà D và bà S nói với tôi, chị muốn cho cháu đi sớm thì chị nên mua nhà bên Mỹ và góp vốn đầu tư vào công ty của em để làm ăn thì bọn em sẽ giúp con chị được đi ngay theo diện định cư và bảo tôi chuyển thêm tiền. Lúc này, tôi thấy lời nói của 02 người này không đáng tin nên tôi báo cho bà D là tôi dừng lại không cho con đi nữa. Cuối năm 2017 đầu năm 2018, tôi yêu cầu bà D giải quyết trả lại cho tôi số tiền đã tạm ứng trước, bà D đồng ý sẽ trả lại tiền cho tôi nhưng sau nhiều lần bà D hứa hẹn nhưng không trả. Trong quá trình làm hồ sơ, toàn bộ chi phí bên nước ngoài cũng như bên phía Việt Nam, tôi đều thanh toán hết, bên bà D không chi trả đồng nào. Số tiền tôi đã chuyển khoản cho bà D từ trước đến nay (có kèm theo bảng sao kê chi tiết) cụ thể như sau:

1/ Ngày 19/12/2016 chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim D số tài khoản 4601215004366 tại Ngân hàng A, số tiền 666.000.000 đồng.

2/ Ngày 11/5/2017 chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim D số tài khoản 4601215004366 tại Ngân hàng A, số tiền 47.000.000 đồng.

3/ Ngày 03/7/2017 chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim D số tài khoản 4601215004366 tại Ngân hàng A, số tiền 227.000.000 đồng.

4/ Ngày 28/11/2017 chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim D số tài khoản 4601215004366 tại Ngân hàng A, số tiền 37.000.000 đồng.

5/ Nộp trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Kim D nhận: 24.000.000 đồng.

6/ Phí I20 nộp trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Kim D nhận: 12.144.000 đồng.

Tổng cộng: 1.013.144.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, tôi yêu cầu bà D phải trả lại hết số tiền cho tôi thì năm 2020, bà D mới chỉ trả cho tôi 700.000.000 đồng, số tiền còn lại 313.144.000 đồng đến nay bà D vẫn chưa trả lại cho tôi dù tôi đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, nay tôi khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D và bà Trần Thị Thu S phải hoàn trả lại cho tôi số tiền 313.144.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Đối với ý kiến của bà S về việc đã bỏ chi phí để làm hồ sơ là 5.000USD trên 01 hồ sơ là không phù hợp, chúng tôi đã thỏa thuận nếu con tôi không đi du học được thì phải trả lại toàn bộ chi phí cho tôi. Tôi cũng biết khi làm hồ sơ thì cũng phải bỏ ra một số chi phí nhất định nhưng không thể cao như bà S trình bày. Tôi chỉ chấp nhận mức 1.000USD/01 hồ sơ, 02 hồ sơ là 2.000USD; tôi chỉ trừ 2.000USD; tương đương 46.580.000 đồng (Tỷ giá USD ngày hôm nay là 1 USD = 23.290 đồng). Nên nay tôi xác định lại yêu cầu khởi kiện của mình là yêu cầu phía bị đơn phải hoàn trả lại cho tôi số tiền đã nhận là 266.564.000 đồng (313.144.000 đồng – 46.580.000 đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Trước đây, tôi là Trình dược viên có đến nhà thuốc T chào bán hàng cho chị Dương Thị Thu P và quen chị P từ đó. Cho đến năm 2016, chị P có nhờ tôi tư vấn du học cho bé Võ Thị Tâm Đ (là con chị P) theo gói du học trọn gói. Lúc đó, tôi tư vấn cho chị P 02 gói; 01 là gói Cao đẳng 30.000 USD và 01 gói Đại học 60.000 USD. Dựa trên trình độ của bé Đ, chị P chọn gói 60.000 USD; nên tôi đã kết nối chị P với chị Trần Thị Thu S để hai bên tìm hiểu và làm giấy tờ thủ tục đi du học cho bé Đ. Cho đến khoảng thời gian 01 năm sau, tôi không nhớ rõ thì chị P và bé Đ thống nhất với chị Trần Thị Thu S đóng tiền cho bé Đ đi du học thì lúc đó chị P có nhờ tôi chuyển tiền dùm cho chị S. Sau đó, chị P chuyển cho tôi lần 1 số tiền khoảng 630.000.000 đồng gì đó, tôi không nhớ rõ, tôi chuyển qua cho chị Trần Thị Thu S để làm hồ sơ cho bé Đ đi phỏng vấn. Lần thứ nhất thì bé Đ bị trượt. Sau đó, khoảng thời gian nào thì tôi không nhớ rõ, chị P có nhờ tôi chuyển tiếp số tiền khoảng 220.000.000 đồng gì đó (tôi không nhớ chính xác) cho chị S để tiếp tục làm hồ sơ phỏng vấn lần 2 cho bé Đ. Chị S có hướng dẫn bé Đ học thêm và lấy được bằng IELTS 6,5 thì khả năng phỏng vấn tốt hơn và bé đã làm theo hướng dẫn của chị S, nhưng lại trượt phỏng vấn lần 02. Tôi và chị P đều rất buồn, nên tôi có gọi điện cho chị S, chị S bảo trượt rồi thì tiếp tục làm tiếp nhưng phải cách thời gian xa ra. Chị bảo làm hợp đồng cho ký nhưng tôi nói với chị S rằng chị yên tâm đi, giữa tôi với chị P rất thân nhau, không sao cả thì chị bảo thôi, chị làm xuống hệ Cao đẳng cho dễ hơn, miễn qua được bên đó rồi tính tiếp, chị P cũng đồng ý. Trong lúc chờ đợi chị S lâu, nhà chị P đã tự ý vào Sài Gòn thuê Công ty dịch vụ khác làm và lại trượt tiếp lần 03. Sau khoảng 01 năm, chị S tiếp tục làm

hồ sơ cho bé Đ nhưng bé Đ không đi phỏng vấn nữa, do bé Đ muốn lấy chồng chứ không đi du học nữa. Tôi gọi điện cho chị S trình bày nguyện vọng của gia đình chị P thì chị S không đồng ý vì đã làm hồ sơ và chuẩn bị mọi thứ hết rồi mà giờ bảo huỷ là không được. Tôi đã cố gắng hết sức và xin của chị S để đưa lại cho vợ chồng chị P 700.000.000 đồng. Số tiền còn lại tôi có tiếp tục xin cho chị P nhưng chị S không đồng ý vì phải trả những khoản chi phí làm hồ sơ cho bé Đ đi du học. Thoả thuận tư vấn đi du học giữa chị P và chị S không có lập thành hợp đồng, tôi chỉ là người kết nối. Chị S có thoả thuận với nội dung chị sẽ làm hồ sơ cho cháu Đ phỏng vấn 03 lần, nếu sau 03 lần cháu Đ vẫn không đạt thì chị sẽ hoàn trả lại toàn bộ tiền đã nhận; nhưng lần thứ 03 cháu Đ không tham gia phỏng vấn là đã làm sai thoả thuận nên chị S không đồng ý hoàn trả toàn bộ. Đối với những khoản tiền chị P chuyển khoản và tôi nhận trực tiếp, tôi đều đưa lại cho chị S để chị S lo làm hồ sơ, thủ tục, chứ tôi không hề biết gì nên chị P khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền còn lại thì tôi không đồng ý.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2023, bà Trần Thị Thu S trình bày*: Tôi (Sương) hiện tại cư trú tại địa chỉ 45B/19 L, Phường X, thành phố T, Phú Yên nhưng tôi đang làm việc tại TP. Hồ Chí Minh và tôi vẫn đi về Phú Yên thường xuyên. Tôi quen biết với bà Dương Thị Thu P thông qua bà Nguyễn Thị Kim D. Tôi và D là bạn bè quen biết đã lâu. Vào năm 2016, thông qua bà D tôi có nhận tư vấn du học cho con bà P là cháu Võ Thị Tâm Đ. Tôi tư vấn cho chị P 02 gói; 01 là gói Cao đẳng 30.000 USD, bao học phí 02 năm và 01 gói Đại học 60.000 USD, với điều kiện bao học phí 04 năm. Dựa trên trình độ của con, chị P chọn gói 60.000 USD. Số tiền gói là số tiền dịch vụ chị P trả cho tôi khi lo được cho cháu Đ sang Mỹ du học và nộp học phí cho cháu 04 năm, với điều kiện cháu Đ phải phỏng vấn 03 lần; và 60.000USD này không bao gồm các chi phí khác. Mọi chi phí khác là phía bà P phải chịu để có hồ sơ để đi phỏng vấn là 5.000USD/01 hồ sơ (của riêng trường hợp bà P), gồm: Chi phí đăng ký phỏng vấn đại sứ quán (DS160), tiền đóng bảo hiểm học đường (Seves), tiền xin I20 (tiền xin hồ sơ từ trường để trường cấp hồ sơ đi phỏng vấn), tiền gửi hồ sơ từ Việt Nam sang Mỹ và ngược lại và những chi phí khác như tiền công đi xin học phí, tiền công đến trường xin hồ sơ, tiền công hướng dẫn cách phỏng vấn, tiền công làm hồ sơ để lấy lịch phỏng vấn… (cụ thể: Chi phí đăng ký phỏng vấn đại sứ quán (DS 160): 5.000.000 đồng; tiền đóng bảo hiểm học đường (Seves): 200USD; tiền xin I20 (tiền xin hồ sơ từ trường để trường cấp hồ sơ đi phỏng vấn): 1.500USD, tiền gửi hồ sơ từ Mỹ về: 160USD, gửi từ Việt Nam sang Mỹ: 2.500.000 đồng…còn lại là tiền công đi xin học phí, tư vấn, hướng dẫn…). Khi tư vấn du học, Công ty tôi thường có các trường hợp sau: Trường hợp bình thường, sẽ ký hợp đồng và thỏa thuận sau phỏng vấn 03 lần không đạt thì khách hàng chỉ chịu phí 8,3% trên 60.000 USD; trường hợp không thực hiện phỏng vấn đủ 03 lần thì bị phạt hợp đồng 50%. Trường hợp đặc biệt là đi xin học phí 04 năm như trường hợp của bà P thì bà P phải chịu chi phí 5.000USD/01 hồ sơ như tôi trình bày trên. Còn trường hợp tôi tư vấn du học bình thường, thì phí hồ sơ và công tư vấn là từ 1.000 USD đến 1.500USD/01 hồ sơ, tùy theo trường. Thoả thuận tư vấn đi du học giữa tôi và bà P không có lập thành hợp đồng. Các

thỏa thuận giữa tôi và bà P chỉ là thỏa thuận miệng, không có lập hợp đồng bằng văn bản nên tôi không có văn bản, giấy tờ cung cấp cho Tòa. Tuy nhiên, bà P cũng đã chuyển trước cho tôi số tiền như bà P đã trình bày là phí dịch vụ để tôi đi xin học phí 04 năm cho cháu, nếu không có thỏa thuận như vậy thì bà P không thể chuyển số tiền này cho tôi và thực tế tôi đã làm hồ sơ 02 lần cho cháu Đ nhưng cháu Đ đều phỏng vấn không đạt, lần thứ 3 là cháu Đ không đi nên coi như là vi phạm hợp đồng. Việc bà P cho rằng không có thỏa thuận phỏng vấn lần thứ 3 là không phù hợp vì giữa tôi và bà D đều trình bày như vậy. Sau khi cháu Đ không đi phỏng vấn lần thứ 3 thì coi như phía chị P vi phạm hợp đồng nên tôi chỉ trả lại cho chị P 50%, nhưng sau đó chị D nói chỗ chị P là quen biết nên tôi hoàn trả thêm cho chị P 20% nữa, như vậy tổng cộng hiện tại tôi đã chuyển trả lại cho chị P 70% với số tiền là 700.000.000 đồng; còn 30% còn lại là công dịch vụ mà tôi đã bỏ ra phía chị P phải chịu. Chúng tôi thỏa thuận nếu 03 lần cháu Đ không đạt thì tôi sẽ hoàn trả lại phí dịch vụ trọn gói là 60.000USD, nhưng chi phí làm hồ sơ thì chị P phải chịu. Chi phí làm hồ sơ thì tôi đã làm rồi, 02 lần mỗi lần 5.000 USD như tôi đã trình bày trên. Còn lần thứ 3 tôi đã làm hồ sơ nhưng cháu Đ không vô làm nên tôi cũng không tính phần hồ sơ này. Hiện tại tôi tính 02 hồ sơ đã làm một hồ sơ là 5.000USD, 02 hồ sơ là 10.000USD. Số tiền còn lại tôi sẽ hoàn trả lại cho chị P. Hiện tại do điều kiện sức khỏe không ổn định nên không thể sắp xếp đến Tòa làm việc được nên tôi đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi có bản án của Tòa.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Tâm Đ trình bày:* Chị là con gái của bà Dương Thị Thu P. Năm 2017, sau khi tốt nghiệp Đại học, chị có gặp bà Nguyễn Thị Kim D để tư vấn du học Mỹ. Trong quá trình làm hồ sơ, bà D có giới thiệu cho chị và mẹ chị một người tên là Trần Thị Thu S là người làm việc trong một tổ chức từ thiện, bà S sẽ là người hướng dẫn chị và mẹ chị làm thủ tục để chị được đi du học ở Mỹ. Khoảng tháng 6/2016, chị gặp bà S lần đầu tại một căn hộ chung cư tại Quận 7, TP. Hồ Chí Minh; tại đây bà S hướng dẫn chị là thủ tục đi du học. Khoảng tháng 7/2016 là lần thứ hai, chị gặp bà S tại Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bà S giới thiệu đây là Văn phòng Công ty bà S; chị đã nộp các giấy tờ cho bà S để làm thủ tục đi phỏng vấn lần đầu. Khoảng tháng 8/2016, lần thứ ba chị gặp bà S cũng tại Văn phòng Công ty bà S; tại đây bà S tiếp tục yêu cầu chị hoàn thiện hồ sơ để đi phỏng vấn lần đầu, chị có nộp phí phỏng vấn 100USD bằng tiền mặt, không có giấy tờ, phiếu thu tiền. Khoảng tháng 6/2017 và tháng 9/2017, chị có 02 lần đi phỏng vấn tại Lãnh sứ quán Mỹ nhưng kết quả phỏng vấn không đạt, không biết lý do. Còn những chi phí về hồ sơ mẹ chị là bà Dương Thị Thu P làm việc trực tiếp với bà Trần Thị Thu S nên chị không rõ về vấn đề này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Thu P. Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu S phải trả cho nguyên đơn bà Dương Thị Thu P số tiền đã nhận do không thực hiện được hợp đồng dịch vụ tổng cộng là 284.365.050đ,

trong đó số tiền gốc là 266,464.000đ và lãi chậm trả 17.901.050đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà S, bà D đều có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: hợp đồng dịch vụ - du học nước ngoài, bà P đều trao đổi và chuyển tiền thông qua bà D, bà P khởi kiện đối với bà D và bà S nhưng cấp sơ thấp chỉ buộc bà S mà không buộc bà D cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà P là có sai lầm. Kháng cáo của bà P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định là kháng cáo cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn – buộc bà D và bà S cùng có trách nhiệm trả số tiền 284.365.050đ:

Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các bên đương sự thể hiện giữa nguyên đơn bà P và bị đơn bà D, bà S có xác lập hợp đồng dịch vụ, nội dung bà D, bà S nhận tư vấn du học cho chị Võ Thị Tâm Đ là con của bà P với gói dịch vụ 60.000USD; Mặc dù, thỏa thuận tư vấn du học không lập thành văn bản nhưng cả hai bên đều thừa nhận nên xác định hợp đồng dịch vụ được xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật.

Toàn bộ số tiền đã chuyển 1.013.144.000đ, bị đơn bà S đều thừa nhận có nhận số tiền này thông qua bà D hoặc tự mình nhận thông qua chuyển khoản. Mặc dù không lập thành văn bản, nhưng các bên đều xác nhận nếu chị Đ không đi du học được thì phía bà S phải trả lại toàn bộ chi phí. Bà S cho rằng chị Đ không phỏng vấn lần 3 là vi phạm nên phải chịu 30% hoặc 50% là không có căn cứ.

Các đương sự đều không kháng cáo về số tiền phải trả cho nguyên đơn là 284.365.050 đồng (*Hai trăm tám mươi tư triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm năm mươi đồng*); trong đó: tiền gốc là 266.464.000 đồng và lãi suất chậm trả là 17.901.050đ. Mọi giao dịch và việc chuyển tiền, bà P đều thông qua bà D nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc bà S mà không buộc bà D cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà P là có sai lầm.

Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà P và lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Áp dụng các Điều 357, 513, 514 và 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Thu P. Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Kim D phải cùng có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn bà Dương Thị Thu P số tiền đã nhận do không thực hiện được hợp đồng dịch vụ, tổng cộng là 284.365.050 đồng (*Hai trăm tám mươi tư triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm năm mươi đồng*); trong đó: tiền gốc là 266.464.000 đồng và lãi suất chậm trả là 17.901.050 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Trần Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 14.218.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm mười tám nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người 7.109.000đ.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Dương Thị Thu P 10.278.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007741 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009890 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP Tuy Hòa (2);
- CC THADS TP Tuy Hòa;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND TX Đông Hòa; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS TX Đông Hòa;
- P. KTNV-THA;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang